

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số: / QĐ- TCDCN & XD ngày tháng năm 201 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng)

<b>Tên ngành, nghề:</b>	<b>Kế toán doanh nghiệp</b>
<b>Mã ngành, nghề:</b>	<b>63 403 02</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Cao đẳng</b>
<b>Hình thức đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	<b>Tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương</b>
<b>Thời gian đào tạo:</b>	<b>2 năm</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm nghề nghiệp; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán, có tư duy độc lập, có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc, tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc hoặc học lên trình độ cao hơn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo trình độ cao đẳng ngành kế toán, thực hiện các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của ngành; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công tác kế toán, hướng dẫn và hỗ trợ được người khác trong nhóm thực hiện công việc

##### a. Về kiến thức

- Có kiến thức thực tế về kinh tế, về quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu, hiện đại trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực kế toán.

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác kế toán.

- Kiến thức thực tế về công tác quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành kế toán.

##### b. Về kỹ năng

- Nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin kế toán trong phạm vi rộng.

- Lập và phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ và lập báo cáo kế toán, kỹ năng thực hành phần mềm kế toán, giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành kế toán.

- Truyền đạt hiệu quả các thông tin về kế toán, ý tưởng giải pháp, tham mưu tới nhà quản trị doanh nghiệp.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 khu năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### c. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

#### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng đảm nhận các công việc kế toán ở các loại hình doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế.

### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 35

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2070 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 513 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1840 giờ

### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH,M D,HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Th,bài tập	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng anh	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>75</b>	<b>2070</b>	<b>356</b>	<b>1580</b>	<b>134</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>450</b>	<b>119</b>	<b>295</b>	<b>36</b>
MH07	Pháp luật kinh tế	2	45	15	26	4
MH08	Kinh tế vi mô	3	75	15	56	4

MH09	Kinh tế vĩ mô	3	75	15	54	6
MH10	Nguyên lý thống kê	2	45	14	27	4
MH11	Nguyên lý kế toán	5	120	30	82	8
MH12	Marketing cơ bản	2	45	15	26	4
MH13	Soạn thảo văn bản	2	45	15	26	4
<b>II.2</b>	<b><i>Môn học, mô đun cơ sở tự chọn(2 trong 4 môn học)</i></b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>52</b>	<b>8</b>
MH14	<i>Quản trị doanh nghiệp</i>	2	45	15	26	4
MH15	<i>Tài chính tiền tệ</i>	2	45	15	26	4
MH16	Phân tích hoạt động kinh tế	2	45	15	26	4
MH17	Thị trường chứng khoán	2	45	15	26	4
<b>II.3</b>	<b><i>Môn học, mô đun chuyên môn</i></b>	<b>47</b>	<b>1380</b>	<b>177</b>	<b>1125</b>	<b>78</b>
MH18	Thuế Nhà nước	4	90	30	54	6
MH19	Tài chính doanh nghiệp	5	120	30	82	8
MH20	Kế toán doanh nghiệp	5	120	30	82	8
MD01	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán	3	90	9	75	6
MD02	Kế toán vật tư, hàng hóa	3	90	9	75	6
MD03	Kế toán tài sản cố định	3	90	9	75	6
MD04	Kế tiền lương và các khoản trích theo lương	3	90	9	75	6
MD05	Kế toán giá thành	3	90	9	75	6
MD06	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	3	90	9	75	6
MD07	Kế toán kê khai thuế và lập báo cáo tài chính	3	90	9	75	6
MD08	Tin học kế toán	4	120	9	103	8
MH21	Kiểm toán căn bản	3	75	15	54	6
MH22	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
<b>II.4</b>	<b><i>Môn học, mô đun tự chọn chuyên môn (chọn 2 trong 4 môn)</i></b>	<b>6</b>	<b>150</b>	<b>30</b>	<b>108</b>	<b>12</b>
MH23	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3	75	15	54	6

MH24	Thống kê DN	3	75	15	54	6
MH25	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	75	15	54	6
MH26	Kế toán thương mại dịch vụ	3	75	15	54	6
<b>Cộng</b>		<b>95</b>	<b>2505</b>	<b>504</b>	<b>1849</b>	<b>152</b>

### 3.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Mã MD	Tên môn học/modul	TC	Tổng số	Năm thứ I		Năm thứ II	
				I	II	III	IV
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>270</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
MH01	Giáo dục chính trị	4	75		75		
MH02	Pháp luật	2	30		30		
MH03	Giáo dục thể chất	2	60		60		
MH04	Giáo dục quốc phòng	3	75	75			
MH05	Tin học	3	75	75			
MH06	Tiếng anh	5	120	120			
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>76</b>	<b>2070</b>	<b>375</b>	<b>510</b>	<b>675</b>	<b>510</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>450</b>	<b>330</b>	<b>45</b>	<b>75</b>	<b>0</b>
MH07	Pháp luật kinh tế	2	45		45		
MH08	Kinh tế vi mô	3	75	75			
MH09	Kinh tế vĩ mô	3	75			75	
MH10	Nguyên lý thống kê	2	45	45			
MH11	Nguyên lý kế toán	5	120	120			
MH12	Marketing cơ bản	2	45	45			
MH13	Soạn thảo văn bản	2	45	45			
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở tự chọn(2 trong 4 môn học)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
MH14	Quản trị doanh nghiệp	2	45		45		
MH15	Tài chính tiền tệ	2	45	45			
MH16	Phân tích hoạt động kinh tế	2	45				
MH17	Thị trường chứng khoán	2	45				
<b>II.3</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>47</b>	<b>1380</b>	<b>0</b>	<b>420</b>	<b>450</b>	<b>510</b>

MH18	Thuế Nhà nước	4	90			90	
MH19	Tài chính doanh nghiệp	5	120		120		
MH20	Kế toán doanh nghiệp	5	120		120		
MD01	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán	3	90		90		
MD02	Kế toán vật tư, hàng hóa	3	90		90		
MD03	Kế toán tài sản cố định	3	90			90	
MD04	Kế tiền lương và các khoản trích theo lương	3	90			90	
MD05	Kế toán giá thành	3	90			90	
MD06	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	3	90			90	
MD07	Kế toán kê khai thuế và lập báo cáo tài chính	3	90				90
MD08	Tin học kế toán	4	120				120
MH21	Kiểm toán căn bản	3	75				75
MH22	Thực tập tốt nghiệp	5	225				225
<b>II.4</b>	<b>Môn học, mô đun tự chọn chuyên môn (chọn 2 trong 4 môn)</b>	<b>6</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>0</b>
MH23	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3	75				
MH24	Thống kê DN	3	75			75	
MH25	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	75			75	
MH26	Kế toán thương mại dịch vụ	3	75				
	<b>Cộng</b>	<b>95</b>	<b>2505</b>	<b>645</b>	<b>675</b>	<b>675</b>	<b>510</b>

### 3.2 Kế hoạch đào tạo theo kỳ

#### Học kỳ 1

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	<b>1</b>	<b>Các môn học bắt buộc</b>	<b>25</b>		
1	MH04	Giáo dục QP và an ninh	3		
2	MH05	Tin học	3		
3	MH06	Tiếng anh	3		
4	MH08	Kinh tế vi mô	3		
5	MH10	Nguyên lý thống kê	2		

6	MH11	Nguyên lý kế toán	5		
7	MH12	Marketing cơ bản	2		
8	MH13	Soạn thảo văn bản	2		
	<b>2</b>	<b>Các môn học tự chọn (chọn 1 trong 4 môn)</b>	<b>2</b>		
1	MH14	Quản trị doanh nghiệp	2		
2	MH15	Tài chính tiền tệ	2		
3	MH16	Phân tích hoạt động kinh tế	2		
4	MH17	Thị trường chứng khoán	2		
		<b>Cộng</b>	<b>27</b>		

### Học kỳ 2

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	<b>1</b>	<b>Các môn học bắt buộc</b>	<b>26</b>		
1	MH01	Giáo dục chính trị	4		
2	MH02	Pháp luật	2		
3	MH03	Giáo dục thể chất	2		
4	MH07	Pháp luật kinh tế	2		
5	MH19	Tài chính doanh nghiệp	5		
6	MH20	Kế toán doanh nghiệp	5		
7	MD01	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán	3		
8	MD02	Kế toán vật tư, hàng hóa	3		
	<b>2</b>	<b>Các môn học tự chọn (chọn 1 trong 4 môn)</b>	<b>2</b>		
1	MH14	Quản trị doanh nghiệp	2		
2	MH15	Tài chính tiền tệ	2		
3	MH16	Phân tích hoạt động kinh tế	2		
4	MH17	Thị trường chứng khoán	2		
		<b>Cộng</b>	<b>28</b>		

### Học kỳ 3

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	<b>1</b>	<b>Các môn học, MD bắt buộc</b>	<b>19</b>		
1	MD03	Kế toán tài sản cố định	3		

2	MD04	Kế tiền lương và các khoản trích theo lương	3		
3	MD05	Kế toán giá thành	3		
4	MD06	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	3		
5	MH09	Kinh tế vĩ mô	3		
6	MH18	Thuế nhà nước	4		
7	MH27	Trải nghiệm thực tế	-		
	<b>2</b>	<b>Các môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)</b>	<b>6</b>		
1	MH23	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3		
2	MH24	Thống kê DN	3		
3	MH25	Kế toán hành chính sự nghiệp	3		
4	MH26	Kế toán thương mại dịch vụ	3		
		<b>Cộng</b>	<b>25</b>		

#### Học kỳ 4

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	<b>1</b>	<b>Các môn học, MD bắt buộc</b>	<b>15</b>		
1	MD07	Kế toán kê khai thuế và lập báo cáo tài chính	3		
2	MD08	Tin học kế toán	4		
3	MH21	Kiểm toán căn bản	3		
4	MH22	Thực tập tốt nghiệp	5		
	<b>2</b>	<b>Các MH, MD tự chọn</b>			
		<b>Thi tốt nghiệp</b>			
		<b>Cộng</b>	<b>15</b>		

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Sau khi học xong chương trình các môn học chung và các môn cơ sở ngành, căn cứ vào tiến độ đào tạo từng lớp, khoa có thể tổ chức chương trình học ngoại khóa bằng cách tổ chức cho học sinh xuống doanh nghiệp để học tập mô hình làm việc, nghiên cứu vị trí việc làm của kế toán viên, kế toán tổng hợp để đánh giá tổng quan công việc kế toán tại các doanh nghiệp, không đánh giá kết quả trải nghiệm.

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

##### 4.3.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định trong chương trình Chi tiết.

##### 4.3.2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun.

###### a. Điều kiện được dự thi kết thúc Môn học/ mô-đun.

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun (với điều kiện tham dự ít nhất 80% thời gian của các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập)

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Còn số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định.

###### b. Tổ chức thi kết thúc môn học/ mô-đun.

- Nhà trường tổ chức Kỳ thi kết thúc môn học/ Mô-đun theo quy chế; Các Khoa cùng hội đồng tổ chức thi theo tiến độ đào tạo và quy chế

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: **Môn Giáo dục chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.**

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.



+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

#### 4.5. Các chú ý khác.

- Chương trình đào tạo có thể thực hiện theo hai hình thức là đào tạo theo Niên chế hoặc theo tích lũy Mô đun.

- Khi Nhà trường thay đổi hình thức đào tạo từ Niên chế sang hình thức tích lũy Mô đun/ tín chỉ thì khóa học tuyển sinh năm đó được Nhà trường có Quyết định ban hành riêng để áp dụng hình thức đào tạo tích lũy Mô đun, tín chỉ cho khóa học đó từ khi tuyển sinh cho đến hết khóa học. Khi đó số môn học/ mô đun tự chọn sẽ được đẩy lên phần môn học, mô đun bắt buộc để học sinh được phép lựa chọn các môn học/ mô đun phù hợp với nhu cầu của người học, nhưng phải đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tỷ lệ theo quy định.

**HIỆU TRƯỞNG**